

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05/5/2021.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thành Tài.

2. Ông Tô Đình Trị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Mai – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 247/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020, về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1984

Trú tại: Tổ 2, thôn V, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Anh Dương Công N, sinh năm: 1984

Trú tại: Tổ 14, thôn B, xã BQ, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

(Nguyên đơn chị T có mặt, bị đơn anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Tôi và anh Dương Công N tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 29/9/2015 tại UBND xã BQ, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Chúng tôi sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng tôi quá ghen tuông mù quáng, vô cớ đánh đập xúc phạm tôi rất nhiều lần. Ngoài ra chồng tôi lại ngoại tình mà ghen tuông trong khi bản thân tôi không làm gì sai trái. Tôi đã nhiều lần bỏ qua cho chồng tôi rất nhiều lần để chồng tôi thay đổi nhưng chồng tôi vẫn không thay đổi được gì. Vợ chồng tôi không hợp, bất đồng quan điểm sống nên chúng tôi thường xuyên cãi vã nhau cuộc

sống chung không hạnh phúc. Nay tôi thấy tình cảm không còn nên xin được ly hôn với anh Dương Công N.

- Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có 01 con chung tên là: Dương Nguyễn Anh T1, sinh ngày 13/7/2018. Nguyên vọng của tôi xin được nuôi con chung đến 18 tuổi, trưởng thành. Tôi không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chúng tôi tự giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không cho ai mượn nợ.

- * Bị đơn anh Dương Công N trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải: Tôi thống nhất lời khai của cô T về thời gian, điều kiện kết hôn. Nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn thì tôi cũng có ghen với vợ, cũng có đánh nhưng sự việc đã rất lâu rồi và tôi cũng đã biết lỗi của mình. Nay vợ tôi yêu cầu được ly hôn tôi vẫn còn thương vợ con nên tôi xin được đoàn tụ làm ăn nuôi con.

- Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có 01 con chung tên là: Dương Nguyễn Anh T1, sinh ngày 13/7/2018. Nếu ly hôn tôi thống nhất giao con cho vợ nuôi và tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chúng tôi tự giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không cho ai mượn nợ.

- * Tại phiên tòa chị T đồng ý với sự cấp dưỡng nuôi con chung của anh N cùng chị mỗi tháng 1.000.000 đồng để nuôi cháu T1. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2021.

- * Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và thỏa thuận của các đương sự về con chung, giao con cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự thống nhất không yêu cầu nên không xét. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung. Buộc anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Dương Công N cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Dương Công N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Các văn bản đã tổng đạt đến bị đơn, niêm yết tại UBND xã BQ, huyện T nơi bị đơn cư trú. Bị đơn có mặt phiên hòa giải. Sau đó bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Dương Công N có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã BQ, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 29/9/2015 nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T anh N đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không hạnh phúc. Theo chị T nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N ghen tuông mù quáng, vô cớ đánh đập xúc phạm chị T nhiều lần. Vợ chồng anh chị không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng anh chị thường xuyên cãi vã nhau cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh N thừa nhận có ghen và có đánh chị T. Nay chị T cương quyết ly hôn mặc dù anh N muốn vợ chồng đoàn tụ làm ăn nuôi con. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng chị T và anh N thực sự có mâu thuẫn nhau. Tòa án đã cố gắng hòa giải cho các bên đoàn tụ làm ăn nuôi con. Nhưng chị T vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh T xin được ly hôn với anh Dương Công N.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T anh N thống nhất có 01 con chung tên là: Dương Nguyễn Anh T1, sinh ngày 13/7/2018. Chị T yêu cầu được nuôi con và anh N thống nhất giao con cho chị T nuôi dưỡng. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Trước đây chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N mong muốn được cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.000.000đồng. Tại phiên tòa chị T thống nhất với yêu cầu được cấp dưỡng của anh N. Xét thấy yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con chung của anh N là đúng và chị T thống nhất nên chấp nhận. Buộc anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2021 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng chị T anh N thống nhất tự giải quyết, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về nợ chung và cho mượn nợ: Vợ chồng chị T anh N thống nhất không nợ ai và không cho ai mượn nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005641 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) anh N phải nộp.

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 2 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5; Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T. Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Dương Công N.

2. Về con chung, nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự thống nhất của vợ chồng chị T và anh N. Vợ chồng chị T anh N có 01 con chung tên là: Dương Nguyễn Anh T1, sinh ngày 13/7/2018.

2.1. Ghi nhận sự thống nhất, thỏa thuận của vợ chồng chị T và anh N. Giao cháu Dương Nguyễn Anh T1, sinh ngày 13/7/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Buộc anh Dương Công N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Dương Nguyễn Anh T1, sinh ngày 13/7/2018 cùng chị T mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi Thụ đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, nếu anh N không chịu thi hành thì hàng tháng anh N còn phải chịu trả lãi theo mức lãi

suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng chị T anh N thống nhất tự giải quyết, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Vợ chồng chị T anh N thống nhất không nợ ai và không cho ai mượn nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu số tiền: 300.000^d(Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000^d(Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005641 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con 300.000^d(Ba trăm ngàn đồng) anh N phải nộp.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- UBND xã BQ;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên, đóng dấu)**

Đặng Phùng Thành